

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN

Công tác biên giới trên đất liền Việt Nam – Campuchia

Việt Nam và Campuchia là hai nước láng giềng có những nét tương đồng về địa lý, lịch sử, văn hóa, có truyền thống gắn bó lâu đời. Trong quá trình hình thành và phát triển của mỗi quốc gia, nhân dân hai nước luôn đồng cam cộng khổ, kề vai sát cánh đấu tranh làm thất bại âm mưu xâm lược của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, giành độc lập, bảo vệ chủ quyền đất nước.

Quan hệ Việt Nam - Campuchia có những mốc lịch sử quan trọng: Ngày 24-6-1967, Việt Nam và Campuchia đã chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao. Năm 1975 - 1979, Việt Nam giúp nhân dân Campuchia xóa bỏ chế độ diệt chủng Pôn Pốt - Iêng Xary. Từ năm 1979 - 1989, Việt Nam giúp Campuchia ngăn chặn chế độ diệt chủng quay trở lại, khôi phục đất nước. Giai đoạn 1989 - 1993, quan hệ Campuchia - Việt Nam chủ yếu xoay quanh việc giải quyết vấn đề hòa bình, hòa hợp dân tộc ở Campuchia. Từ năm 1993 đến nay, quan hệ Việt Nam - Campuchia không ngừng được củng cố và phát triển về mọi mặt.

Quan hệ hữu nghị Việt Nam - Campuchia luôn được các thế hệ lãnh đạo hai nước qua các thời kỳ dày công vun đắp trên tinh thần *“Láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài”*, đó là tài sản vô giá của cả hai dân tộc, đáp ứng nguyện vọng, lợi ích chính đáng của nhân dân hai nước; góp phần vào sự ổn định, hợp tác, phát triển ở khu vực và thế giới.

Cùng với những tiến triển tốt đẹp trong quan hệ nhiều mặt giữa hai nước, các vấn đề về biên giới, kiều dân... cũng từng bước giải quyết trên tinh thần bình đẳng hữu nghị, phù hợp với luật pháp của mỗi nước và thông lệ của quốc tế.

I- ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ, TỰ NHIÊN VÀ DÂN CƯ KHU VỰC BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - CAMPUCHIA

1. Đặc điểm địa lý - hành chính

Đường biên giới trên đất liền Việt Nam và Campuchia dài khoảng 1.137 km, điểm khởi đầu là giao điểm đường biên giới ba nước Việt Nam - Campuchia - Lào, điểm kết thúc trên bờ vịnh Thái Lan tiếp giáp giữa tỉnh Kiên Giang (Việt Nam) và tỉnh Kămpôt (Campuchia); đi qua địa giới hành chính 10 tỉnh của Việt Nam (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang), tiếp giáp với 9 tỉnh của Campuchia (Ratanakiri, Môndulkiri, -Kratie, Tboung Khmum, Svayriêng, Prêyvang, Kandal,

Tàkeo, Kămpôt), Cụ thể:

Tỉnh Kon Tum (Việt Nam) có 3 huyện, tổng số 7 xã biên giới tiếp giáp với tỉnh Ratanakiri (Campuchia). Đường biên giới dài 95 km, được giao cắm tổng số 29 cột mốc chính tại 24 vị trí mốc (từ mốc quốc giới số 0 đến số 24).

Tỉnh Gia Lai (Việt Nam) có 3 huyện, tổng số 7 xã biên giới tiếp giáp với tỉnh Ratanakiri (Campuchia). Đường biên giới dài khoảng 90 km, được giao cắm tổng số 20 cột mốc chính tại 16 vị trí mốc (từ mốc quốc giới số 25 đến số 40).

Tỉnh Đắk Lắk (Việt Nam) có 2 huyện, tổng số 4 xã biên giới tiếp giáp với tỉnh Mônđulkiri (Campuchia). Đường biên giới dài khoảng 73 km, được giao cắm tổng số 11 cột mốc chính tại 7 vị trí mốc (từ mốc quốc giới số 41 đến số 47).

Tỉnh Đắk Nông (Việt Nam) có 4 huyện, tổng số 7 xã biên giới tiếp giáp với tỉnh Mônđulkiri (Campuchia).

Đường biên giới dài khoảng 120 km, được giao cắm tổng số 25 cột mốc chính tại 13 vị trí mốc (từ mốc quốc giới số 48 đến số 60).

Tỉnh Bình Phước (Việt Nam) có 3 huyện, tổng số 15 xã biên giới tiếp giáp với 3 tỉnh của Campuchia (Mônđulkiri, Kratié, Tboung Khmum). Đường biên giới dài 210 km, được giao cắm tổng số 29 cột mốc chính tại 19 vị trí mốc từ số 61 đến số 79 (đoạn biên giới giáp với tỉnh Mônđulkiri có 8 mốc tại 5 vị trí từ mốc số 61 đến mốc số 65; giáp với tỉnh Kratié có 11 mốc tại 8 vị trí từ mốc số 66 đến mốc số 73; giáp với tỉnh Tboung Khmum có 10 mốc tại 6 vị trí từ mốc số 74 đến mốc số 79).

Tỉnh Tây Ninh (Việt Nam) có 5 huyện, tổng số 20 xã biên giới tiếp giáp với 3 tỉnh của Campuchia (Tboung Khmura, Svayriêng, Prêyveng). Đường biên giới dài khoảng 225 km, được giao cắm tổng số 108 cột mốc chính tại 100 vị trí từ mốc số 80 đến mốc số 179 (đoạn biên giới giáp với tỉnh Tboung Khmum có 50 mốc tại 50 vị trí từ mốc số 80 đến mốc số 129; giáp với tỉnh Prêyveng có 5 mốc tại 3 vị trí từ mốc số 130 đến mốc số 132; giáp với tỉnh Svayriêng có 53 mốc tại 47 vị trí từ mốc số 133 đến mốc số 179).

Tỉnh Long An (Việt Nam) có 5 huyện, 1 thị xã, tổng số 20 xã biên giới tiếp giáp với 2 tỉnh Svayriêng và Prêyveng (Campuchia). Đường biên giới dài khoảng 131 km, được giao cắm tổng số 57 cột mốc chính tại 51 vị trí mốc (từ mốc số 180 đến mốc số 230).

Tỉnh Đồng Tháp (Việt Nam) có 2 huyện, 1 thị xã, tổng số 8 xã biên giới tiếp

giáp với tỉnh Prêyvang (Campuchia). Đường biên giới dài 49 km, được giao cắm tổng số 16 cột mốc chính tại 10 vị trí mốc (từ mốc số 231 đến mốc số 240).

Tỉnh An Giang (Việt Nam) có 3 huyện, 1 thành phố, thị xã, tổng số 18 xã, phường biên giới tiếp giáp với tỉnh của Campuchia là Kandal và Takeo. Đường biên giới dài khoảng 96 km, được giao cắm tổng số 49 cột mốc chính tại 46 vị trí từ mốc số 241 đến mốc số 286 (đoạn biên giới giáp với tỉnh Kandal có 16 cột mốc tại 13 vị trí từ mốc số 241 đến mốc số 253; giáp với tỉnh Takeo có 33 cột mốc tại 33 vị trí từ mốc số 254 đến mốc số 286).

Tỉnh Kiên Giang (Việt Nam) có 1 huyện, 1 thị xã, tổng số 7 xã, phường biên giới tiếp giáp với 2 tỉnh của Campuchia là Takeo và Kampôt. Đường biên giới dài khoảng 48 km, được giao cắm tổng số 28 cột mốc chính tại 28 vị trí từ mốc số 287 đến mốc số 314 (đoạn biên giới giáp với tỉnh Takeo có 4 cột mốc tại 4 vị trí từ số 287 đến mốc số 290; giáp với tỉnh Kampôt có 24 cột mốc tại 24 vị trí từ số 291 đến mốc số 314).

Trong quá trình phân giới cắm mốc, hai bên đã thống nhất bổ sung 1.512 cột mốc phụ tại 1.069 vị trí, 221 cọc dấu tại 221 vị trí để làm rõ thêm hướng đi của đường biên giới trên thực địa.

2. Đặc điểm địa hình, giao thông

Đường biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia đi qua hai dạng địa hình đặc trưng là đồi núi và đồng bằng. Đoạn biên giới thuộc các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước và một phần tỉnh Tây Ninh đi qua địa hình đồi núi, độ cao trung bình từ 1.000 - 1.400m, một số đoạn biên giới đi theo đường sông núi hoặc theo sông suối, một số đoạn biên giới là các đoạn thẳng dài hàng chục kilômét cắt qua các địa hình bất kỳ. Từ phía nam tỉnh Tây Ninh qua các tỉnh Long An, Đồng Tháp, An Giang và Kiên Giang, đường biên giới đi qua địa hình đồng bằng khá bằng phẳng, có đoạn đi theo sông rạch, đồng ruộng, sinh lầy, cũng có một số đoạn đường biên giới theo đoạn thẳng.

Trong Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia năm 1985, các đoạn biên giới theo sông suối được hai bên thống nhất hoạch định cơ bản giữ nguyên như đường biên giới theo sông suối đã thể hiện trên bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 do Sở Địa dư Đông Dương xuất bản, được hai bên thống nhất lựa chọn đính kèm Hiệp ước nguyên tắc năm 1983. Trong tổng số 1.137 km đường biên giới, có hơn 500 km đi theo 28 đoạn sông, suối được thể hiện theo ba dạng: đi theo giữa dòng sông, suối (sông, suối chung); đi theo bờ sông, suối phía Việt Nam (sông, suối biên giới

thuộc Campuchia); đi theo bờ phía Campuchia (sông, suối biên giới thuộc Việt Nam).

Việc hoạch định đường biên giới theo sông, suối như trên dẫn đến những khó khăn cho cả hai bên trong quản lý thực tế, nhất là việc quản lý và sử dụng nguồn nước biên giới của chính quyền địa phương và nhân dân hai bên biên giới. Vì vậy, năm 2005 hai bên ký Hiệp ước bổ sung thống nhất áp dụng các nguyên tắc của luật pháp và thực tiễn quốc tế để hoạch định toàn bộ đường biên giới sông, suối nêu trên theo nguyên tắc: Đối với những đoạn sông, suối biên giới tàu thuyền không đi lại được, đường biên giới đi theo trung tuyến của dòng chảy chính; đối với những đoạn sông, suối biên giới tàu thuyền đi lại được, đường biên giới đi theo trung tuyến của luồng chính tàu thuyền đi lại được. Sông suối biên giới ở các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước và Tây Ninh đi qua các dạng địa hình, rừng núi, thổ nhưỡng tương đối bền vững, nên dòng chảy và hai bên bờ khá ổn định.

Sông rạch biên giới ở các tỉnh Long An, Đồng Tháp và An Giang đi qua vùng đồng bằng hằng năm bị ngập lụt theo mùa nên thường bị phù sa bồi lắng làm thay đổi lòng sông và lưu lượng dòng chảy, có một số nơi hai bờ bị sạt lở ảnh hưởng rất lớn đến vị trí của đường biên giới như hợp lưu sông Tam Ly - Cái cỏ - sở Hạ, sông Hậu và hợp lưu sông Hậu - rạch Bình Ghi. Có một số sông biên giới tương đối lớn và dài (như sông Nậm Sa Thầy, Sê San, Beng Go, sở Thượng, sông Hậu), còn lại đa số là các suối, rạch biên giới nhỏ và hẹp. Các cồn, bãi trên sông, suối biên giới không nhiều, tập trung ở các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Bình Phước.

3. Hệ thống cửa khẩu biên giới

Tính đến tháng 5-2017, trên toàn tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia có tổng số 49 cửa khẩu đang hoạt động (trong đó có 10 cửa khẩu quốc tế, 9 cửa khẩu chính và 31 cửa khẩu phụ). Hiện nay, Việt Nam và Campuchia đang tiếp tục xem xét việc mở mới và nâng cấp một số cửa khẩu nhằm đáp ứng nhu cầu qua lại và giao lưu hợp tác qua biên giới ngày càng cao của hai nước và quốc tế.

4. Đặc điểm dân cư

Dân cư ở khu vực biên giới có nhiều dân tộc sinh sống đan xen (nhất là ở vùng Tây Nguyên và các tỉnh Đông Nam Bộ), ở các tỉnh phía Nam có số lượng dân tộc ít hơn (ngoài người Kinh còn có người Khmer, Chăm, Hoa,...). Mật độ

dân cư ở sát biên giới phân bố không đều, cư trú rải rác ở vùng biên giới thuộc các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước và phía bắc tỉnh Tây Ninh; trong vùng biên giới từ phía nam tỉnh Tây Ninh đến Kiên Giang có đông dân hơn, nhưng cũng phân bố không đều, thường ở tập trung dọc theo bờ các con sông lớn và những nơi đất cao, ruộng đất phì nhiêu.

Do sự đa dạng dân tộc nên văn hóa - tín ngưỡng ở vùng biên có sự pha trộn, giao thoa lẫn nhau. Trên địa bàn khu vực biên giới có hầu hết các tôn giáo được phép hoạt động như Công giáo, Tin lành, Phật giáo, Hòa Hảo, Cao Đài, Hồi giáo... nên hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo rất đa dạng về hình thức và phức tạp về tính chất như việc người dân ở bên kia biên giới qua lại bên này sinh hoạt điếm chùa, nhà thờ và ngược lại.

II. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀM PHÁN HOẠCH ĐỊNH PHÂN GIỚI, CẮM MỐC BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - CAMPUCHIA

1. Giai đoạn trước khi Pháp xâm lược Đông Dương

Biên giới Việt Nam - Campuchia hình thành gắn liền với hàng loạt sự kiện biến động của lịch sử. Trước thế kỷ XVI, biên giới chỉ là vùng đệm, chưa được phân định rõ ràng. Đầu thế kỷ XVI, biên giới Việt Nam - Campuchia được hình thành và tương đối ổn định đến cuối thế kỷ **XVIII**¹.

Đến thời điểm trước khi thực dân Pháp xâm lược Đông Dương, các vương triều phong kiến ở khu vực Đông Dương trong đó có Việt Nam và Campuchia về cơ bản đã thống nhất về lãnh thổ thuộc phạm vi ảnh hưởng của mình², nhưng ranh giới cụ thể giữa các quốc gia vẫn chỉ là những vùng biên giới tập quán, dễ bị thay đổi, chưa phải là một đường biên giới quốc tế (tức là chưa có một hệ thống văn bản theo chuẩn mực quốc tế và được phân giới, cắm mốc trên thực địa). Sau khi hoàn tất việc xâm chiếm các nước Đông Dương, thực dân Pháp đã tiến hành

¹ Đến năm 1758, từ tỉnh Biên Hòa đến tỉnh Hà Tiên, lãnh thổ Việt Nam tiếp giáp Campuchia được xác định ở 8 huyện thuộc 6 phủ, 5 tỉnh là: tỉnh Biên Hòa, ở cực tây bắc có huyện Phước Bình thuộc phủ Phước Long; tỉnh Gia Định có huyện Tân Ninh và Quang Hóa đều thuộc phủ Tây Ninh; tỉnh Định Tường có 2 huyện Kiến Phong và Kiến Đăng đều thuộc phủ Kiến Tường; tỉnh An Giang có 2 huyện là Hà Am thuộc phủ Tuy Viễn và huyện Đông Xuyên thuộc phủ Tân Thành; tỉnh Hà Tiên có huyện Hà Châu thuộc phủ An Biên (xem Nguyễn Đức Châu, Nguyễn Tuấn Chung: Ông cha ta bảo vệ biên giới, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 1994, tr.164 – 165).

² Ranh giới giữa Cao Miên (Campuchia) và các tỉnh Nam Kỳ của Việt Nam được chính thức ghi nhận trong Hiệp ước giữa ba bên An Nam, Xiêm La và Cao Miên ký tháng 12-1845, được nhắc lại trong hiệp ước giữa An Nam và Xiêm La ký năm 1846, sau đó Cao Miên cũng tham gia hiệp ước này. Đặc biệt là trong phần mở đầu của Hiệp ước bí mật giữa Xiêm La và Cao Miên ký ngày 01-12-1863 nêu rõ: “Cao Miên nằm giữa các lãnh thổ Xiêm La, Nam Kỳ và các vùng đất thuộc Pháp” (xem Raoul Marc Jennar: *Les Frontières du Cambodge contemporain*, INALCO, Paris, 1998, p.89).

hoạch định và phân giới, cắm mốc vùng đất Nam Kỳ thuộc Pháp (**Cochinchine**)³ với Campuchia. Với tư cách là chính quyền bảo hộ, Toàn quyền Đông Dương đã ký ban hành các nghị định quy định biên giới hành chính các xứ bảo hộ: Trung Kỳ và Bắc Kỳ (Việt Nam), Lào và Campuchia.

2. Giai đoạn sau khi Pháp xâm lược Đông Dương đến năm 1954

Ngày 01-9-1858, pháo hạm của liên quân Pháp - Tây Ban Nha bắn vào cửa biển Đà Nẵng, mở đầu cuộc tiến công xâm lược Việt Nam.

Năm 1863, thực dân Pháp áp đặt chế độ bảo hộ ở Cao Miên (Campuchia) và đến năm 1868 xâm chiếm toàn bộ lãnh thổ quốc gia này.

Năm 1899, thực dân Pháp thành lập “Liên bang Đông Dương” gồm một xứ thuộc địa Nam Kỳ và 4 xứ bảo hộ (Cao Miên, Ai Lao, Bắc Kỳ, Trung Kỳ). Để quản lý hành chính và khai thác thuộc địa thuận lợi, chính quyền thực dân Pháp đã tiến hành việc phân định ranh giới giữa các xứ trong “Liên bang Đông Dương”.

Việc hoạch định và phân giới, cắm mốc đường biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Campuchia thời thuộc Pháp:

** Phân đoạn biên giới giữa Nam Kỳ (Việt Nam) và Campuchia:*

Sau khi hoàn tất việc xâm chiếm Đông Dương, thực dân Pháp đã ấn định đường biên giới hành chính giữa các xứ trong Đông Dương thuộc Pháp căn cứ theo ranh giới tập quán hình thành từ lâu trong lịch sử. Các thỏa thuận hoặc ký kết về ranh giới lãnh thổ, việc tiến hành cắm mốc giới, kiểm tra biên giới trên thực địa cũng như những điều chỉnh sửa đổi trên biên giới được tiến hành theo một trình tự pháp lý đúng với quy định pháp luật đương thời của nước Pháp.

Sau khi hoàn tất việc đặt Cao Miên dưới chế độ bảo hộ (năm 1863) và Nam Kỳ dưới chế độ thuộc địa (năm 1867), người Pháp đã thay mặt người Việt Nam thỏa thuận với người Campuchia quy định ranh giới giữa Nam Kỳ và Cao Miên.

Ngày 16-3-1870, một ủy ban Pháp - Cao Miên đã được thành lập để nghiên cứu và thực hiện phân vạch một đường ranh giới ở vùng Tây Ninh, Côngpôngchàm.

Ngày 15-7-1873, Thống đốc Nam Kỳ và vua Nôrôđôm ký Công ước hoạch định vĩnh viễn đường biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia từ Tây Ninh -

³ Pháp chiếm vùng đất này từ triều Nguyễn thông qua hai Hòa ước năm 1862 và năm 1874.

Côngpôngchàm đến Hà Tiên - Kămpôt, ấn định 124 cột mốc (đánh số thứ tự liên tục từ N°1 đến N°124), mốc N°1 đặt ở Tây Ninh - Côngpôngchàm, mốc N°124 đặt ở Hà Tiên - Kămpôt. Đến năm 1876, việc cắm mốc giới trên thực địa theo Công ước này đã hoàn thành.

Sau khi hoàn thành việc phân giới và cắm mốc trên toàn bộ đường biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia theo Công ước ngày 15-7-1873, do có những phát sinh trong quá trình quản lý thực tế, Toàn quyền Đông Dương đã ban hành một số văn bản để điều chỉnh, sửa đổi một số điểm trên biên giới, cụ thể:

- Nghị định ngày 10-12-1898: sửa đổi một đoạn trên biên giới giữa tỉnh Tây Ninh và tỉnh Svayriêng.

- Nghị định ngày 20-3-1899: Điều chỉnh đoạn biên giới từ mốc N°41 đến mốc N°50 thuộc tỉnh Long An và Svayriêng.

- Nghị định ngày 31-7-1914: Điều chỉnh 3 đoạn biên giới giữa các tỉnh Hà Tiên và Kămpôt; Tây Ninh và Prêyveng; Thủ Dầu Một và Côngpôngchàm.

- Nghị định ngày 06-12-1935: Điều chỉnh đoạn biên giới từ mốc N°84 đến mốc N°88 (khu vực ranh giới giữa sông Mê Kông và sông Bassac).

- Nghị định ngày 11-12-1936: Điều chỉnh đoạn biên giới từ mốc N°80 đến mốc N°83 (ranh giới giữa các tỉnh Châu Đốc và Prêyveng).

- Nghị định ngày 26-7-1942: Sửa đổi ranh giới giữa các tỉnh Kandal và Châu Đốc (đoạn từ mốc N°89 đến mốc N°94), theo đó cắt cù lao Khánh Hòa sáp nhập vào Châu Đốc, đổi lại sáp nhập một dải đất rộng 200 m, dài 2.500 m ven rạch Bình Ghi vào tỉnh Kandal.

** Phân đoạn biên giới giữa Trung Kỳ (Việt Nam) và Campuchia:*

Toàn quyền Đông Dương ký hai Nghị định ngày 06-12-1904 và ngày 04-7-1905 quy định ranh giới của các tỉnh Trung Kỳ - Campuchia⁴, nhưng chưa được cắm mốc giới trên thực địa.

Ngày 20/9/1915, Tổng thống Cộng hòa Pháp phê chuẩn sắc lệnh điều chỉnh các thay đổi về ranh giới Việt Nam - Campuchia.

Tóm lại, biên giới đất liền giữa Việt Nam và Campuchia được định hình và tương đối ổn định trước khi thực dân Pháp xâm lược Đông Dương, nhưng đường

⁴ Riêng đoạn biên giới thuộc tỉnh Đắk Lắk (dọc theo sông Dakdam) và một đoạn biên giới theo sông Sê San thuộc Pleiku (tỉnh Gia Lai ngày nay) được xác định bằng các Nghị định của Toàn quyền Đông Dương ký ngày 30-3-1932 và ngày 04-3-1933

biên giới lúc đó chỉ là đường biên giới tập quán, chưa được phân giới cụ thể.

Trong thời kỳ đô hộ Đông Dương, chính quyền thực dân Pháp đã dựa vào biên giới thực tế được hình thành và tồn tại khá ổn định từ thời phong kiến cũng như các chứng cứ lịch sử cụ thể để làm cơ sở pháp lý cho việc phân vạch, cắm mốc đường biên giới trên thực địa giữa Việt Nam và Campuchia, theo đúng trình tự của thực tiễn và luật pháp quốc tế giữa Nam Kỳ với xứ bảo hộ Campuchia. Toàn bộ đường biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Campuchia đã được thể hiện tương đối đầy đủ trên các bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 do sở Địa dư Đông Dương xuất bản; ranh giới giữa các xứ bảo hộ Trung Kỳ với Campuchia (giữa Bắc Kỳ với Lào, Campuchia với Lào) chỉ được xác định theo các văn bản do Toàn quyền Đông Dương ban hành, với ý nghĩa là các ranh giới quản lý hành chính và không được phân giới, cắm mốc trên thực địa.

Năm 1949, Pháp trao trả vùng đất Nam Bộ cho “chính quyền quốc gia Việt Nam” của Bảo Đại và khẳng định “Nam Kỳ lục tỉnh” là của Việt Nam.

Năm 1954, Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết. Nhân dân Đông Dương đã giành lại nền độc lập của mình. Cộng đồng quốc tế đã chính thức thừa nhận nền độc lập của Campuchia trong phạm vi lãnh thổ giới hạn bởi đường biên giới hiện có, được vẽ trên 26 mảnh bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 do Pháp xuất bản trước năm 1954.

3. Từ năm 1954 đến năm 1979

Trong thời gian từ năm 1954 đến năm 1975 đã xảy ra nhiều xung đột, tranh chấp biên giới giữa Việt Nam và Campuchia. Từ năm 1964 đến năm 1967, các chính quyền khác nhau của Nhà nước Campuchia và Quốc vương Nô rô đôm Xiha núc đã nhiều lần tuyên bố yêu cầu quốc tế thừa nhận và tôn trọng đường biên giới hiện tại của Campuchia được thể hiện trên các bản đồ do sở Địa dư Đông Dương ấn hành trong giai đoạn 1933 - 1953.

Từ năm 1960 - 1962, Chính phủ Campuchia tiến hành thương lượng với chính quyền Việt Nam Cộng hòa nhằm giải quyết những xung đột biên giới, cải thiện quan hệ giữa hai bên. Nhưng các cuộc thương lượng đó không đạt được kết quả. Năm 1962, Nô rô đôm Xiha núc đề nghị Liên hợp quốc triệu tập một hội nghị quốc tế để công nhận nền độc lập, trung lập và toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia. VNDCCH và một số nước khác ủng hộ, nhưng Mỹ và Việt Nam Cộng hòa không tán thành.

Ngày 03-3-1964, ông Huot Sambath - **Quốc vụ khanh đặc trách** ngoại giao

của Campuchia gửi cho Ngoại trưởng Mỹ Dean Rusk một dự thảo tuyên bố về nền trung lập của Campuchia kèm theo dự thảo Nghị định thư, trong đó có đoạn nêu rõ ranh giới của Campuchia với Việt Nam là “đường biên giới trên các bản đồ tỷ lệ 1/100.000 của Sở Địa dư Đông Dương (Service Géographique de l'Indochine) thông dụng trước các Hiệp định Giơnevơ năm 1954”.

Tháng 3-1964, Chính phủ Campuchia gửi cho Chính phủ VNDCCH một bản dự thảo Nghị định thư tuyên bố về nền trung lập của Campuchia. Điều 1 bản dự thảo viết: “*Với Nam Việt Nam, biên giới ghi trên các bản đồ tỷ lệ 1/100.000 của sở Địa dư Đông Dương thông dụng trước các Hiệp định Paris năm 1954 và về các đảo ven bờ trên bản đồ hải quân kèm theo..*”. Kèm theo bản dự thảo này có bộ bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 thể hiện toàn bộ đường biên giới trên đất liền giữa hai nước, nhưng cạo sửa 9 điểm, chỗ lớn nhất là khu vực Bu Prăng lấn sang lãnh thổ Việt Nam, được xác định bởi đường biên giới thể hiện trên bản đồ Bonne gốc, khoảng 50 km², và kèm theo cả hải đồ tỷ lệ 1/200.000, trên đó vẽ đường ranh giới trên biển là đường Brévié và vẽ quần đảo Thổ Chu cùng một số đảo khác của Việt Nam ở phía nam đường Brévié là của Campuchia. Đáng chú ý là, phía Campuchia còn nói rằng nếu Việt Nam công nhận đường biên giới hiện tại của Campuchia và các quyền tự do dân chủ cho người Khmer Krom (Khmer Nam Bộ) thì họ sẽ đồng ý đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam ở cấp Công sứ. Phía VNDCCH và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam không công nhận yêu sách lãnh thổ đó của Campuchia, nhưng với thiện chí của mình, Việt Nam đã tiến hành tiếp xúc hữu nghị và bày tỏ quan điểm pháp lý của mình.

Ngày 20-6-1964, Quốc trưởng Nôrôđôm Xi-hanúc gửi thư cho Chủ tịch Đoàn Chủ tịch ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam Nguyễn Hữu Thọ, mong muốn gặp Chủ tịch để trao đổi ý kiến về vấn đề biên giới. Trong thư nói rõ: “Chúng tôi từ bỏ mọi đòi hỏi về lãnh thổ để đổi lấy sự thừa nhận chính thức đường biên giới đã được vạch hiện nay và chủ quyền của chúng tôi trên các đảo ven bờ mà chính quyền Sài Gòn đã yêu sách”. Đến ngày 18-8-1964, Nôrôđôm Xi-hanúc lại gửi thư cho Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ, trong đó khẳng định: “Về phần mình, Campuchia chỉ đòi sự công nhận đường biên giới hiện tại trên đất liền của mình như được vẽ trên các bản đồ thông dụng đến năm 1954 và công nhận chủ quyền của Campuchia đối với các đảo ven bờ mà chế độ Sài Gòn đã đòi hỏi mà không có một chút lý lẽ gì để biện hộ được”.

Năm 1964, cho rằng quân đội Mỹ và VNCH vi phạm biên giới Campuchia, Campuchia đã đưa việc này ra Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, phái đoàn đến

kiểm tra và kết luận rằng không có sự tranh chấp về địa giới giữa hai nước.

Tháng 10-1964, đàm phán ba bên giữa Campuchia, VNDCCH và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tại Bắc Kinh (Trung Quốc) về biên giới Việt Nam - Campuchia cả trên đất liền và trên biển. Phía Campuchia đòi đưa vấn đề người Khmer ở Nam Bộ⁵ vào chung với vấn đề biên giới và các yêu cầu khác dẫn đến cuộc đàm phán kéo dài và không đạt kết quả. Đối với lãnh thổ Nam Bộ, phía Việt Nam luôn khẳng định là lãnh thổ Việt Nam từ trước khi thực dân Pháp vào Đông Dương năm 1858, dân tộc Khmer ở Nam Bộ là một dân tộc trong cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam chung sống trên lãnh thổ Việt Nam. Người Khmer ở Nam Bộ là công dân Việt Nam (dân tộc: Khmer Nam Bộ, quốc tịch: Việt Nam). Theo đó, Việt Nam không chấp nhận trao đổi, đàm phán với bất kỳ quốc gia, tổ chức, cá nhân nào về lãnh thổ Nam Bộ và dân tộc Khmer ở Nam Bộ Việt Nam.

Đầu tháng 12-1964, cuộc họp ba bên được nối lại tại Bắc Kinh (Trung Quốc). phía Campuchia vẫn yêu cầu đưa vấn đề người Khmer Krom (Khmer Nam Bộ) vào chương trình nghị sự, cuộc họp cũng không đạt được kết quả. Đàm phán về biên giới tiếp tục được nối lại giữa Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Campuchia tại Phnôm Pênh từ ngày 15-8 đến ngày 17-9-1966, nhưng không ký kết được văn bản chung về vấn đề biên giới.

Ngày 08-6-1967, Chính phủ VNDCCH tuyên bố: 1) Công nhận và cam kết tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia trong biên giới hiện tại; 2) Hoàn toàn tán thành tuyên bố ngày 31-5-1967 của Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam công nhận biên giới hiện tại giữa miền Nam Việt Nam và Campuchia.

Ngày 17-4-1975, lực lượng cách mạng Campuchia lật đổ chế độ Lon Nol, đánh thắng đế quốc Mỹ, chính quyền Pôn Pốt thiết lập chế độ độc tài, quân phiệt phát xít, gây nên thảm họa diệt chủng đối với dân tộc Campuchia, làm tổn hại nghiêm trọng tới quan hệ hữu nghị truyền thống Việt Nam - Campuchia. Pôn Pốt - Iêng Xary xuyên tạc mối quan hệ giữa hai quốc gia, kích động tư tưởng thù hằn dân tộc, chống lại Việt Nam, phủ nhận lịch sử đoàn kết, liên minh chiến đấu của ba nước Đông Dương, công khai đòi hoạch định lại biên giới Việt Nam - Campuchia, đưa ra những yêu sách về biên giới, lãnh thổ đối với Việt Nam. Vấn đề biên giới giữa Campuchia và Việt Nam có những diễn biến phức tạp.

Đầu tháng 5-1975, lực lượng quân sự của Pôn Pốt đã liên tục xâm nhập đánh

⁵ Phía Campuchia thường gọi là "Khmer Campuchia Krom – Khmer miền xuôi của Campuchia".

phá lấn chiếm một số khu vực dọc biên giới đất liền từ Tây Ninh đến Hà Tiên; cho quân đổ bộ lên đảo Phú Quốc, đánh chiếm đảo Thổ Chu; đồng thời kích động hận thù dân tộc, sản xuất tài liệu giả mạo tung tin 6 tỉnh Nam Bộ là của Campuchia. Việt Nam buộc phải dùng biện pháp quân sự đẩy lực lượng vũ trang của Pôn Pốt ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, thu hồi lại các đảo. Đến nay, Đảng Cứu quốc CNRP vẫn tiếp tục sử dụng các tài liệu giả do Pôn Pốt sản xuất để tuyên, truyền lừa bịp quan chức Chính phủ và nhân dân Campuchia.

Ngày 10-8-1975, tại cuộc hội đàm giữa lãnh đạo cấp cao hai nước tại Hà Nội, Việt Nam đồng ý trao trả đảo Polo Way và các quần nhân Campuchia đã bị bắt giữ khi xâm phạm trái phép vào Việt Nam; ngược lại, Campuchia cam kết trả lại 515 dân thường Việt Nam bị Campuchia bắt giữ khi xâm lược đảo Thổ Chu của Việt Nam từ đầu tháng 5-1975 và cam kết không tiếp tục tiến hành các hành động xâm phạm lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, trên thực tế, phía Pôn Pốt không tôn trọng các điều đã cam kết, một mặt họ không trao trả các thường dân Việt Nam bị bắt giữ, cũng không cung cấp tin tức về những thường dân này, mặt khác vẫn tiếp tục gây rối ở biên giới.

Từ tháng 3-1977, Campuchia tuyên bố cắt đứt quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Ngày 31-12-1978, chính quyền diệt chủng Pôn Pốt đã đẩy vấn đề biên giới thành xung đột chính trị quân sự nghiêm trọng. Từ năm 1977, họ đã tiến hành tấn công quân sự ồ ạt sang lãnh thổ của Việt Nam, giết hại dã man dân thường Việt Nam. Mặt khác, họ còn tiến hành những hoạt động ngoại giao và tuyên truyền xuyên tạc sự thật trong dư luận Campuchia và quốc tế. Nghiêm trọng nhất là từ ngày 30-4-1977, Pôn Pốt đã dùng lực lượng quân sự quy mô sư đoàn tiến công xâm lược Việt Nam trên toàn tuyến biên giới tỉnh An Giang, dùng pháo bắn vào những nơi đông dân cư ở sâu trong lãnh thổ Việt Nam, như thị trấn Tịnh Biên, thị xã Châu Đốc và tỉnh lỵ Long Xuyên,...

Từ ngày 05-12-1977 đến ngày 05-01-1978, các lực lượng vũ trang Việt Nam đã giáng trả mạnh mẽ, đánh đuổi toàn bộ quân xâm lược ra khỏi lãnh thổ của Việt Nam, bảo vệ vững chắc chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Ngày 31-12-1977, chính quyền Pôn Pốt vu cáo Việt Nam xâm lược Campuchia và đơn phương cắt đứt quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Đầu năm 1978, Pôn Pốt - Iêng Xary tập trung lực lượng vũ trang áp sát biên giới Việt Nam, tiến hành khiêu khích, thăm dò, chuẩn bị những cuộc tiến công xâm lược mới, khiến tình hình biên giới Việt Nam - Campuchia càng thêm căng thẳng. Liên tiếp trong 6 tháng đầu năm 1978, Pôn Pốt đã sử dụng lực lượng quân sự tiến đánh sâu

vào lãnh thổ Việt Nam.

Ngày 07-01-1979, đáp ứng lời kêu gọi của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, quân tình nguyện Việt Nam đã hỗ trợ nhân dân Campuchia lật đổ chế độ diệt chủng của Pôn Pốt và ngăn chặn chế độ diệt chủng Pôn Pốt quay trở lại.

4. Quá trình đàm phán, ký kết các hiệp ước, hiệp định về biên giới Việt Nam - Campuchia từ năm 1979 đến nay

Sau khi chế độ Campuchia Dân chủ bị lật đổ vào ngày 07-01-1979, ngày 08-01-1979, Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia tuyên bố thành lập Hội đồng Nhân dân cách mạng Campuchia. Ngày 18-02-1979, hai nước Việt Nam - Campuchia ký “Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác” trong đó có nêu "Hai bên sẽ đàm phán để ký một hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa hai nước trên cơ sở đường biên giới hiện tại; quyết tâm xây dựng đường biên giới này thành biên giới hòa bình, hữu nghị lâu dài"

Đàm phán, ký kết Hiệp ước về nguyên tắc giải quyết vấn đề biên giới

Ngày 20-7-1983, tại Hà Nội, hai bên đã ký chính thức “Hiệp ước về nguyên tắc giải quyết vấn đề biên giới giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Campuchia” và “Hiệp định về quy chế biên giới quốc gia giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Campuchia”, có hiệu lực thi hành từ ngày 27-9-1983.

Hiệp ước "về nguyên tắc giải quyết vấn đề biên giới" năm 1983 gồm có 4 điều. Trong đó, Điều 1, ghi rõ: “Trên đất liền, hai bên coi đường biên giới hiện tại giữa hai nước được thể hiện trên bản đồ tỷ lệ 1/100.000 của Sở Địa dư Đông Dương (SGI), thông dụng trước năm 1954 hoặc gần năm 1954 nhất là đường biên giới quốc gia giữa hai nước (kèm theo đó, hai bên đã ký xác nhận bộ bản đồ gồm 26 mảnh).

Hai bên cũng thống nhất nguyên tắc là "ở những nơi đường biên giới chưa được vẽ trên bản đồ, hoặc hai bên đều thấy chưa hợp lý thì hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, vì lợi ích của mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Campuchia, phù hợp với luật pháp quốc tế và thực tiễn quốc tế”.

Ngày 27-12-1985, tại Phnôm Pênh, hai bên đã ký chính thức “Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Campuchia”, có hiệu lực thi hành từ ngày 22-02-1986 với các nội dung cơ bản:

+ Hai bên thỏa thuận hoạch định đường biên giới quốc gia trên đất liền giữa hai nước với miêu tả chi tiết theo bản đồ UTM tỷ lệ 1/50.000. Hai bộ bản đồ đính kèm Hiệp ước là bộ bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 và bộ bản đồ UTM tỷ lệ 1/50.000 đều có giá trị như nhau.

+ Đường biên giới theo sông, suối được giữ nguyên như đã vẽ trên bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 kèm theo Hiệp ước nguyên tắc năm 1983; sông, suối biên giới dù có đổi dòng, đường biên giới vẫn giữ nguyên; những cù lao, bãi bồi dọc sông, suối biên giới ở phía bên nào sẽ thuộc bên đó; đối với các cầu biên giới, đường biên giới đi chính giữa cầu.

+ Việc giải quyết biên giới trên biển. Do quan điểm hai bên còn xa nhau nên Hiệp ước chỉ nêu nguyên tắc chung và quy định dựa vào hải đồ do cơ quan Đo đạc thủy văn của Pháp in năm 1955, 1956 tỷ lệ 1/182.650 để nghiên cứu giải quyết.

Từ năm 1986-1988, ủy ban Liên hiệp đã phân giới được hơn 200/1.137 km đường biên giới, cắm được 72/322 mốc giới ở các cặp tỉnh Tây Ninh - Svayriêng, Long An - Svayriêng và Đồng Tháp - Prêyveng. Đầu năm 1989, Campuchia lấy lý do kỹ thuật bản đồ đề nghị tạm dừng công tác phân giới cắm mốc trên thực địa.

Từ năm 1989 - 1999, hai bên không tiến hành bất cứ cuộc đàm phán nào về vấn đề biên giới, lãnh thổ.

Từ năm 1999, Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia tiếp tục đàm phán, giải quyết vấn đề phân giới, cắm mốc biên giới trên bộ giữa hai nước. Nhưng đến năm 2005, Ủy ban Liên hợp biên giới hai nước họp lại để trao đổi thực chất về những vấn đề tồn tại trong “Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia” năm 1985. Theo đó, hai bên đã thống nhất:

+ Giải quyết 6 điểm (trong đó có 3 điểm do sai sót kỹ thuật bản đồ và 3 điểm do Hiệp ước hoạch định năm 1985 khác với thực tế quản lý).

+ Áp dụng nguyên tắc pháp luật quốc tế và thực tiễn quốc tế để điều chỉnh hoạch định các đoạn đường biên giới theo sông, suối.

+ Rà soát việc chuyển vẽ đường biên giới từ bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 sang bản đồ UTM tỷ lệ 1/50.000 đính kèm Hiệp ước hoạch định năm 1985 để tạo thuận lợi cho công tác phân giới, cắm mốc biên giới.

+ Thỏa thuận một số vấn đề khác liên quan đến quản lý biên giới, thay thế 2 mảnh trong số 26 mảnh bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 đính kèm Hiệp ước hoạch

định năm 1985 (mảnh Koeayon 172-W và mảnh Bandon 181-W).

Ngày 10-10-2005 tại Hà Nội, Thủ tướng Phan Văn Khải và Thủ tướng Hunxen đã cùng nhau ký “*Hiệp ước giữa nước CHXHCN Việt Nam và Vương quốc Campuchia bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia năm 1985*”, với các nội dung cơ bản sau:

+ Thông qua kế hoạch tổng thể về phân giới, cắm mốc trước cuối năm 2005.

+ Áp dụng các nguyên tắc và thực tiễn quốc tế về biên giới theo sông, suối để hoạch định đường biên giới sông, suối trên toàn tuyến biên giới đất liền giữa hai nước (Hiệp ước hoạch định năm 1985 giữ nguyên biên giới sông, suối như đã vẽ trên bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000). Điều chỉnh hướng đi của đường biên giới ghi trong Điều 1 của Hiệp ước hoạch định năm 1985 ở 6 đoạn biên giới trên cơ sở áp dụng ba yếu tố: các căn cứ pháp lý mà chính quyền thực dân đã sử dụng để vạch đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia; thực trạng quản lý và chiếm hữu thực sự của dân cư qua nhiều thế hệ; các đặc trưng địa hình.

+ Hai bên thống nhất tự rà soát việc chuyển vẽ đường biên giới từ bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 sang bản đồ UTM tỷ lệ 1/50.000 đính kèm Hiệp ước hoạch định năm 1985. Đối với những khu vực mà hai bên không thống nhất được về kết quả đối chiếu cũng như giải pháp kỹ thuật thì đường biên giới tại các khu vực đó sẽ giữ nguyên như trên bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000.

5. Kết quả công tác phân giới, cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia tính đến tháng 6/2018 và một số vấn đề cần tiếp tục giải quyết

Ngày 27-9-2006, hai bên tổ chức Lễ khánh thành cột mốc đại số 171 tại cặp cửa khẩu quốc tế Mộc Bài (Tây Ninh) - Ba Vét (Svayriêng) với sự chứng kiến của Thủ tướng Chính phủ hai nước. Đây là cột mốc đầu tiên được xây dựng trong tiến trình phân giới, cắm mốc biên giới theo quy định của Hiệp ước hoạch định năm 1985, Hiệp ước bổ sung năm 2005.

Từ cuối năm 2006 đến năm 2010, hai bên tiến hành xác định, xây dựng các cột mốc chính (xác định được 253 cột mốc và xây dựng được 227 cột mốc chính).

Sau hơn 11 năm thực hiện công tác phân giới, cắm mốc trên thực địa (từ năm 2006 đến tháng 6-2018), hai bên đã hoàn thành khoảng 84% khối lượng công việc phân giới, cắm mốc trên thực địa. Cụ thể: hai bên đã xác định được 317/371 vị trí mốc (đạt 85,2%) và xây dựng được 315/371 cột mốc chính (đạt khoảng 84,9%); phân giới được khoảng 928,9/1.137 km (đạt 81,7%); quy thuộc

111 cồn trên sông, suối biên giới (Việt Nam 43 cồn, Campuchia 68 cồn); hoàn thành việc hoán đổi các diện tích quản lý vượt quá sang nhau theo Bản ghi nhớ MOU và áp dụng mô hình MOU 23-4-2011⁶ tại 6 cặp tỉnh (gồm: Tây Ninh - Tboung Khmum, Svayriêng; Đồng Tháp - Prêyveng; An Giang - Tàkeo và Kiên Giang - Tàkeo, Kămpôt).

Đối với khoảng 16% khối lượng công việc chưa được phân giới, cắm mốc hai bên đang tiếp tục thực hiện gồm:

- 7 đoạn biên giới còn tồn đọng chưa phân giới, cắm mốc do chưa thống nhất rà soát việc chuyển vẽ đường biên giới từ bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 sang bản đồ UTM tỷ lệ 1/50.000 (thuộc các tỉnh Gia Lai, Đắk Nông, Tây Ninh, An Giang và Kiên Giang);

- Còn 6 khu vực chưa hoàn thành hoán đổi đất theo mô hình MOU;

- Xây dựng các cột mốc chính, cột mốc phụ và cọc dấu bổ sung; hồ sơ phân giới, cắm mốc liên quan (còn lại);

- Hoàn chỉnh việc thành lập bộ bản đồ đường biên giới quốc gia Việt Nam - Campuchia;

- Ký kết các văn kiện về biên giới như: 1) Hiệp ước bổ sung Hiệp ước năm 1985 và Hiệp ước bổ sung năm 2005 về việc điều chỉnh đường biên giới ở một số khu vực tồn đọng; 2) Nghị định thư phân giới, cắm mốc; 3) Hiệp định mới về quy chế quản lý biên giới, cửa khẩu biên giới.

III. Ý NGHĨA VÀ VAI TRÒ CỦA QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - CAMPUCHIA

Đường biên giới được xây dựng chính quy, hiện đại, ổn định lâu dài có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển của quốc gia, vừa góp phần củng cố môi trường hòa bình, tạo điều kiện thuận lợi cho quan hệ hợp tác, phát triển bền vững với các nước láng giềng, của khu vực và thế giới, vừa tạo môi trường thuận lợi thu hút, huy động các nguồn lực bên trong và bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội góp phần nâng cao đời sống của nhân dân.

Việt Nam và Campuchia là hai nước láng giềng, mọi biến động về chính trị, an ninh, quốc phòng và KT – XH của nước này đều tác động trực tiếp đến nước

⁶ Trong quá trình phân giới, cắm mốc trên thực địa, để giải quyết một số khu vực tồn đọng về quá canh, quá cư trong lịch sử của nhân dân hai bên biên giới, Chính phủ hai nước đã trao đổi, thống nhất ký “Bản ghi nhớ về việc điều chỉnh đường biên giới trên bộ đối với một số khu vực tồn đọng giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia” ngày 23- 4-2011 (gọi tắt là MOU 23-4-2011).

kia và ngược lại. Vì vậy, hai nước cần tiếp tục củng cố, phát triển mối quan hệ “láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài” lên tầm cao mới, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của mỗi nước.

Các hiệp ước, hiệp định về biên giới trên đất liền được Việt Nam - Campuchia ký kết trong những năm 1983, 1985, 2005 là những điều ước quốc tế song phương đã được đàm phán, ký kết theo một trình tự pháp lý rất chặt chẽ, bảo đảm luật pháp và thực tiễn quốc tế, phù hợp với quan hệ Việt Nam - Campuchia, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân hai nước.

Các văn bản về quản lý biên giới là cơ sở pháp lý quốc tế, để xây dựng đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia hòa bình, hữu nghị, ổn định, bền vững, lâu dài.

IV. KẾT QUẢ QUAN HỆ HỢP TÁC, PHÁT TRIỂN KT-XH, AN NINH, QUỐC PHÒNG VIỆT NAM - CAMPUCHIA

1. Kết quả quan hệ hợp tác về chính trị, ngoại giao

Hàng năm, lãnh đạo cấp cao hai nước đều có các cuộc gặp gỡ, tiếp xúc và thực hiện các chuyên thăm viếng lẫn nhau dưới nhiều hình thức, đạt được nhiều thỏa thuận chiến lược, vừa định hướng cho tổng thể quan hệ giữa hai nước, vừa kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nhằm thúc đẩy sự hợp tác toàn diện, thiết thực, hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực. Các hoạt động giao lưu hữu nghị, hợp tác giúp đỡ lẫn nhau giữa các cấp, các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội được thúc đẩy mạnh mẽ. Sự phối hợp giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân được hai bên quan tâm thúc đẩy. Công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống quan hệ đoàn kết, hữu nghị trong các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ hai nước tiếp tục được tăng cường.

Điển hình là các chuyến thăm Campuchia của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (2011, 2017), Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (2012, 2014), Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết (2010), Chủ tịch nước Trương Tấn Sang (2014), Chủ tịch nước Trần Đại Quang (2016), Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân (2016), Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc (2017, 2018)...

Về phía Campuchia là các chuyến thăm Việt Nam của Thái Thượng hoàng Nôrôđôm Xihamuni (2010), Quốc vương Nôrôđôm Xihamuni (2010, 2012, 2015), Chủ tịch Đảng Nhân dân Campuchia, Chủ tịch Thượng viện Chia Sim (2008), Chủ tịch Quốc hội Heng Samrin (2012, 2015, 2017), Thủ tướng Chính phủ Samdech Techo Hunxan (2012, 2013, 2016, 2017, 2018),...

Hai nước có sự phối hợp chặt chẽ với nhau tại các diễn đàn quốc tế và khu vực như Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam (CLV), Hợp tác bốn nước Campuchia - Lào - Mianma - Việt Nam (CLMV), Chiến lược Hợp tác kinh tế ba dòng sông Adaoađi - Chaophaya - Mê Kông (ACMECS), ASEAN, ASEM, Liên hợp quốc...góp phần nâng cao uy tín và vị thế của mỗi nước ở khu vực và trên thế giới.

Ngoại giao nhân dân giữa Việt Nam và Campuchia cũng được tăng cường, góp phần tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai nước và thúc đẩy sự gắn kết giữa hai dân tộc láng giềng.

2. Kết quả quan hệ hợp tác về kinh tế, thương mại

Việt Nam và Campuchia đã ký kết nhiều văn bản pháp luật song phương về hợp tác phát triển kinh tế xuyên biên giới, như: Hiệp định về thành lập ủy ban hỗn hợp Việt Nam - Campuchia về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật (năm 1994); Hiệp định thương mại giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia (năm 1998); Hiệp định mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại thuộc khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia (năm 2001); Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia (năm 2008); Bản thỏa thuận thúc đẩy thương mại Việt Nam - Campuchia được ký hai năm một lần, gần đây nhất là được ký ngày 26-10-2016. Năm 2013, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã có Quyết định số 1490/QĐ-TTg về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia đến năm 2020.

Hai nước duy trì hợp tác trong các khuôn khổ đa phương và tiểu vùng như cơ chế hợp tác Tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS); ủy hội sông Mê Kông (MRC); Chương trình hợp tác phát triển liên vùng dọc hành lang Đông Tây (WEC); Hợp tác khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam.

Nhiều nhà đầu tư, doanh nghiệp của hai nước tìm kiếm các cơ hội tại địa bàn Việt Nam và Campuchia. Đến 6/2018, Việt Nam có 196 dự án đầu tư sang Campuchia với tổng số vốn đăng ký đạt 2,94 tỉ USD, chủ yếu trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp, đưa Việt Nam nằm trong top 5 nước có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài nhiều nhất tại Campuchia. Campuchia đứng vị trí thứ 3 trong tổng số 72 quốc gia và vùng lãnh thổ có hoạt động đầu tư của Việt Nam (sau Lào và Liên bang Nga).

Hoạt động đầu tư của Việt Nam tại Campuchia tăng nhanh trong thời gian

vừa qua; có mặt ở hầu hết các ngành, lĩnh vực quan trọng của Campuchia, tập trung nhiều nhất trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp (chiếm hơn 70% tổng vốn đăng ký); tài chính - ngân hàng - bảo hiểm (chiếm hơn 9% tổng vốn đăng ký); viễn thông (chiếm hơn 6% tổng vốn đăng ký). Các dự án còn lại nằm trong các lĩnh vực hàng không, khoáng sản, công nghiệp chế biến, chế tạo, vận tải, kho bãi, thương mại xuất nhập khẩu, y tế, xây dựng, du lịch - khách sạn, bất động sản và các dịch vụ khác. Các dự án của Việt Nam đã có mặt tại 18/25 khu vực tỉnh/thành phố của Campuchia, chủ yếu tập trung tại Thủ đô Phnôm Pênh, và các tỉnh giáp biên giới với Việt Nam. Nhiều dự án đầu tư của Việt Nam đã có thương hiệu mạnh tại Campuchia như Hãng Viễn thông Metfone của Viettel; Hãng Hàng không quốc gia Campuchia Angkor Air do Vietnam Airline nắm cổ phần chi phối; Ngân hàng Đầu tư phát triển Campuchia (BIDC), Công ty Bảo hiểm Campuchia - Việt Nam (CIV); nhiều hàng nông sản của Campuchia xuất sang thị trường châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc... do doanh nghiệp Việt Nam đầu tư. Hiện Hãng Viễn thông Metfone là doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất cho Chính phủ Campuchia.

Hai nước có nhiều chủ trương, chính sách tạo điều kiện cho các địa phương và nhân dân cư trú dọc biên giới hợp tác sản xuất hàng hóa, dịch vụ nhằm phát huy những tiềm năng kinh tế vùng biên giới.

3. Kết quả quan hệ hợp tác về quốc phòng, an ninh

Trong lĩnh vực quốc phòng, Bộ Quốc phòng hai nước đã thường xuyên duy trì, phát huy hiệu quả các cơ chế hợp tác, hữu nghị, toàn diện trong tình hình mới, thường xuyên tiến hành trao đổi đoàn các cấp, thực hiện đối thoại chính sách, xây dựng các chương trình, dự án về quốc phòng; tăng cường hoạt động tổ chức giao lưu, kết nghĩa, tuần tra chung, xây dựng, củng cố, quản lý, bảo vệ đường biên giới hòa bình, hữu nghị; thúc đẩy hợp tác quốc phòng, an ninh tập trung hướng tới việc hỗ trợ cụ thể, tích cực hơn cho quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực khác giữa hai nước, để xứng đáng là “trụ cột, chiến lược của chiến lược”.

Hiện nay, hai bên đang tích cực thực hiện Đề án tăng cường hợp tác Quốc phòng Việt Nam - Campuchia đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

Trong hợp tác quốc phòng, Việt Nam và Campuchia luôn đề cao nguyên tắc không cho phép các thế lực thù địch dùng lãnh thổ của nước này để chống phá nước kia; phối hợp đấu tranh ngăn chặn hoạt động của các thế lực thù địch và các tổ chức cực đoan, làm thất bại âm mưu phá hoại, khủng bố gây mất ổn định chính

trị mỗi nước, lợi dụng vấn đề dân tộc, biên giới, lãnh thổ để chia rẽ, phá hoại quan hệ hai nước, kích động đồng bào thiểu số Tây Nguyên vượt biên trái phép sang Campuchia; phòng, chống các loại tội phạm; triển khai thỏa thuận phối hợp tìm kiếm cứu nạn xuyên biên giới giữa Việt Nam, Campuchia, Lào; tiếp tục triển khai thực hiện Thỏa thuận tìm kiếm, quy tập và hồi hương hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện Việt Nam hy sinh tại Campuchia và thực hiện công tác tôn tạo, tu bổ các đài hữu nghị. Năm 2017, hai bên đã khánh thành 17 Đài Hữu nghị Việt Nam - Campuchia tại 12 tỉnh, thành phố ở Campuchia.

4. Kết quả hợp tác giữa các địa phương biên giới Việt Nam - Campuchia hiện nay

4.1. Các văn bản chỉ đạo hợp tác

Các tỉnh biên giới đều ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các sở, ban, ngành triển khai thực hiện các thỏa thuận giữa lãnh đạo cấp cao hai nước; ký kết hợp tác trên nhiều lĩnh vực (Kiên Giang đã tiến hành ký kết với 5 tỉnh, thành phố của Campuchia: Kép, Kămpôt, Preah Sihanouk, Koh Kong, Phnôm Pênh; Đồng Tháp duy trì ký kết và thực hiện Biên bản thỏa thuận hợp tác với 2 tỉnh Prêyvang và Bantây Miênchay; Tây Ninh đã tổ chức ký kết 3 bản ghi nhớ về tăng cường quan hệ hợp tác và phát triển kinh tế - xã hội với tỉnh Ratanakiri, Stung Treng).

4.2. Hợp tác phát triển kinh tế vùng biên giới

Hiện nay, các tỉnh biên giới đều triển khai các hợp tác thương mại, du lịch, đầu tư và năng lượng. Hai bên cũng đẩy mạnh hợp tác phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế của mỗi bên; tăng cường hợp tác đầu tư phát triển thương mại, dịch vụ trong cơ chế hợp tác của Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam (CLV). Một số địa phương biên giới đã chú trọng đầu tư nâng cấp các cửa khẩu, chợ biên giới nhằm tạo điều kiện cho nhân dân hai bên mua bán, trao đổi hàng hóa. Việc đảm bảo mua bán điện phục vụ nhu cầu sử dụng phù hợp với khả năng đã được các địa phương triển khai tốt.

Tháng 4-2017, hai nước khánh thành cây cầu biên giới Long Bình (An Giang) - Chrey Thom (Kandal) và thông xe vận tải tại cặp cửa khẩu Lê Thanh (Gia Lai) - ôdađao (Ratanakiri) tháng 7-2017 không chỉ tạo điều kiện cho nhân dân hai nước trong hợp tác kinh tế - thương mại, đầu tư mà còn giúp đẩy mạnh các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch giữa nhân dân hai nước, thắt chặt hơn nữa quan hệ hữu nghị và mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân hai nước sinh sống tại khu vực biên giới.

4.3. Hợp tác văn hóa, giáo dục, y tế và nhân đạo

Về hợp tác giáo dục, bên cạnh chương trình hỗ trợ đào tạo cấp nhà nước, hầu hết các tỉnh giáp biên của Việt Nam đều có các hoạt động hỗ trợ cho các tỉnh phía Campuchia, nhiều tỉnh khu vực biên giới thực hiện các chương trình trao đổi sinh viên, tiếp nhận học sinh, sinh viên là con em người Campuchia gốc Việt cũng như sinh viên Campuchia sang học tập.

Trong lĩnh vực y tế, ngành y tế các tỉnh kết hợp với lực lượng quân y trên địa bàn tỉnh có các hoạt động hợp tác hỗ trợ nhiều mặt cho các tỉnh giáp biên phía Campuchia. Các tỉnh biên giới cũng tổ chức nhiều đoàn y, bác sĩ sang khám bệnh, cấp thuốc và tặng quà miễn phí cho dân cư, nhất là dân cư nghèo các xã biên giới; các đồn biên phòng cửa khẩu tổ chức khám, chữa bệnh và phát thuốc cho hàng ngàn lượt cư dân bên kia biên giới sang khám, chữa bệnh.

Ngoài ra, hai nước và các địa phương biên giới của hai bên cũng quan tâm đến việc tìm kiếm, cất bốc, hồi hương hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh trong chiến tranh tại Campuchia. Từ năm 2014 - 2017, với sự phối hợp giúp đỡ từ chính quyền các tỉnh biên giới Campuchia, tỉnh Đồng Tháp đã tìm và quy tập được 334 bộ hài cốt liệt sĩ; tỉnh Đắk Lắk sau 2 đợt quy tập đã cất bốc, hồi hương được 29 bộ hài cốt liệt sĩ; tỉnh Kon Tum quy tập và hồi hương 17 bộ hài cốt liệt sĩ.

4.4 Hợp tác giữa các lực lượng trực tiếp quản lý biên giới

Bộ Chỉ huy quân sự, Bộ đội biên phòng, Công an các tỉnh biên giới thường xuyên duy trì tốt các cuộc gặp gỡ, hội đàm định kỳ, đột xuất với các lực lượng vũ trang Campuchia để trao đổi, nắm tình hình; an ninh trật tự trên tuyến biên giới được triển khai đồng bộ, góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị Việt Nam - Campuchia và nhân dân hai bên biên giới.

Trên thực địa, hai bên phối hợp thường xuyên, chặt chẽ và hiệu quả trong công tác tuần tra song phương, ký kết các biên bản thỏa thuận hợp tác thường niên trong công tác quản lý biên giới, bảo vệ các mốc dấu, cột mốc đã và đang xây dựng; đồng thời hỗ trợ nhau để điều tra, trấn áp các đối tượng vi phạm pháp luật như buôn lậu, buôn bán chất gây nghiện, vũ khí, buôn bán người, vượt biên trái phép, giữ gìn an ninh trật tự, kiểm soát dịch bệnh khu vực biên giới.

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY TRÀ VINH